

CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VSNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TỈNH NAM ĐỊNHĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 56 /BC-CTNS

Nam Định, ngày 22 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO**Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch tháng 6 năm 2025****A. THÔNG TIN CHUNG:**

1. Tên đơn vị cấp nước: Công ty cổ phần nước sạch & VSNT Nam Định
2. Địa chỉ: Số 121, Lê Hồng Phong, phường Vị Xuyên, TP. Nam Định
3. Công suất thiết kế, tổng số hộ gia đình được cung cấp nước, nguồn nước nguyên liệu:

TT	Tên nhà máy trực thuộc	Nguồn nước	Công suất thiết kế (m ³ /ng.đ)	Tổng dân số được cung cấp nước (người)	Số mẫu nước/đợt/nhà máy	Ghi chú
1	Giao Thủy	Sông Ninh Cơ	25.000	131.210	4 mẫu/đợt	
2	Xuân Trường	Sông Ninh Cơ	18.000	89.236	3 mẫu/đợt	
3	Mỹ Lộc	Sông Hồng	8.000	66.150	3 mẫu/đợt	
4	Nghĩa An	Sông Đào	10.000	56.290	3 mẫu/đợt	
5	Yên Lộc	Sông Đào	13.000	78.925	3 mẫu/đợt	
6	Liên Bảo	Sông Đào	10.800	48.724	3 mẫu/đợt	
7	Yên Quang	Sông Đáy	5.500	22.940	3 mẫu/đợt	
8	Xuân Tân	Sông Hồng	5.500	37.360	3 mẫu/đợt	
9	Nam Dương	Sông Đào	3.500	17.560	3 mẫu/đợt	
10	Đại Thắng	Sông Đào	2.200	9.950	3 mẫu/đợt	
11	Nghĩa Hưng	Sông Đáy	2.600	18.090	3 mẫu/đợt	
12	Quý Nhất	Sông Đáy/ Nước ngầm	4.000	11.260	3 mẫu/đợt	
13	Hải Toàn	Nước ngầm	2.200	12.040	3 mẫu/đợt	
14	Yên Định	Nước ngầm	1.200	6.700	3 mẫu/đợt	

Ghi chú:- Đơn vị cấp nước cho dưới 100.000 dân: lấy ít nhất 03 mẫu nước sạch

- Đơn vị cấp nước cho từ 100.000 dân trở lên: lấy ít nhất 04 mẫu nước sạch

4. Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Số mẫu	Vị trí lấy mẫu nước
14	Tại bể chứa nước bơm đi tại nhà máy
15	Tại vòi sử dụng trên mạng lưới đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng sử dụng
14	Tại vòi sử dụng cuối mạng lưới đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng sử dụng

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC:

Các nhà máy nước thuộc công ty có đầy đủ hồ sơ theo dõi và quản lý chất lượng nước gồm hồ sơ về sử dụng hóa chất trong quá trình sản xuất nước sạch, sổ theo dõi việc lưu mẫu nước, sổ theo dõi chất lượng nước trong ngày, các phiếu phân tích chất lượng nước...

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

1. Kết quả xét nghiệm nước thành phẩm trong tháng: Có phiếu kiểm nghiệm nước kèm theo.

2. Kết quả xét nghiệm:

2.1. Tổng số mẫu đạt quy chuẩn: 43 mẫu Tỷ lệ mẫu đạt quy chuẩn: 100%

2.2. Tổng số mẫu không đạt quy chuẩn: Không.

Trong đó:

- Số mẫu không đạt về lý, hóa học: 0 mẫu.
- Số mẫu không đạt về vi sinh vật: 0 mẫu.
- Số mẫu không đạt cả về lý, hóa học và vi sinh vật: 0 mẫu.

2.3. Các chỉ tiêu không đạt: Không có chỉ tiêu không đạt.

D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC: Không.

Đ. ĐỀ NGHỊ: Không./.

Nơi nhận:

- Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Nam Định (Kèm theo phiếu kết quả phân tích tháng 6/2025);
- Trung tâm y tế dự phòng huyện;
- Phó Giám đốc Phạm Thị Hằng;
- Phòng KT&QLCLN;
- Các NMN
- Lưu VP, Nhà thí nghiệm.



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Phạm Thị Hằng

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.899.399	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 01



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Xuân Trường
- Địa chỉ:** TT. Xuân Trường - Xuân Trường - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Đình Văn Thân - Địa chỉ: Xóm 12, Xuân Phương, Xuân Trường, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Trần Văn Hiệu - Địa chỉ: Xóm 7, Xuân Phương, Xuân Trường, Nam Định

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰C (xét nghiệm lý hóa).

- Ngày lấy mẫu:** 06/6/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thị Ân
- Thời gian thử nghiệm:** 06/6/2025 đến 23/6/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
I Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	Mùi vị*	-	Không có mùi, vị lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023 Ref: SMEWW 2160B:2023	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,53	1,02	1,07	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,60	0,45	0,41	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,77	7,78	7,84	Đạt
II Mức độ giám sát B								
6	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	0,558	0,609	0,633	Đạt
8	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E:2023	6,183	6,237	6,267	Đạt
9	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	< 0,5	< 0,5	< 0,5	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
10	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	92,0	92,0	93,0	Đạt
11	Cl ⁻ *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	8,384	8,384	8,749	Đạt
12	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
13	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Amoni* (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/l	0,3	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor* (F)	mg/l	1,5	SMEWW 4500 F ⁻ .D:2023	< 0,2	< 0,2	< 0,2	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500 S ²⁻ .F:2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan* (TDS)	mg/l	1000	SMEWW 2540C:2023	79,0	80,0	82,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 23 tháng 6 năm 2025

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

Nguyễn Thị Ân

KT. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu,* là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.899.399	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 01

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Xuân Trường
- Địa chỉ:** TT. Xuân Trường - Xuân Trường - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Đinh Văn Thân - Địa chỉ: Xóm 12, Xuân Phương, Xuân Trường, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Trần Văn Hiệu - Địa chỉ: Xóm 7, Xuân Phương, Xuân Trường, Nam Định

Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

- Ngày lấy mẫu:** 06/6/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thị Ân
- Thời gian thử nghiệm:** 06/6/2025 đến 10/6/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 23 tháng 6 năm 2025

KIỂM NGHIỆM VIÊN



Trần Thị Thắm

KT. GIÁM ĐỐC




PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.899.399	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 02

- Tên khách hàng:** Chi nhánh cấp nước Giao Thủy
- Địa chỉ:** Giao Tiến - Giao Thủy - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng số 1:
Nguyễn Duy Chinh - Địa chỉ: Xóm 5, Hoàn Sơn, Giao Thủy, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng số 2:
Nguyễn Xuân An - Địa chỉ: Xóm 4, Hoàn Sơn, Giao Thủy, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Phạm Quang Tuyền - Địa chỉ: Xóm 1, Bình Hòa, Giao Thủy, Nam Định

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰C (xét nghiệm lý hóa).

- Ngày lấy mẫu:** 05/6/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Trần Ngọc Hải
- Thời gian thử nghiệm:** 05/6/2025 đến 23/6/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống hộ KHSĐ số 1	Tại trên mạng đường ống hộ KHSĐ số 2	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
I	Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	< 5,0	< 5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt
2	Mùi vị*	-	Không có mùi, vị lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023 Ref: SMEWW 2160B:2023	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,35	0,41	0,48	0,51	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,78	0,50	0,45	0,40	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,51	7,54	7,59	7,67	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01- 1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống hộ KHSD số 1	Tại trên mạng đường ống hộ KHSD số 2	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
II Mức độ giám sát B									
6	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	0,593	0,612	0,654	0,680	Đạt
8	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E:2023	6,770	6,835	6,898	6,957	Đạt
9	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	< 0,5	< 0,5	< 0,5	< 0,5	Đạt
10	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	90,0	90,0	91,0	91,0	Đạt
11	Cl ⁻ *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	8,384	8,384	8,384	8,749	Đạt
12	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
13	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Amoni* (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/l	0,3	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor* (F)	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	< 0,2	< 0,2	< 0,2	< 0,2	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan* (TDS)	mg/l	1000	SMEWW 2540C:2023	78,0	79,0	81,0	82,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 23 tháng 6 năm 2025

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC


Nguyễn Thị Ân




**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu* là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.899.399	Email: CTCpuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 02



- Tên khách hàng:** Chi nhánh cấp nước Giao Thủy
- Địa chỉ:** Giao Tiến - Giao Thủy - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng số 1:
Nguyễn Duy Chinh - Địa chỉ: Xóm 5, Hoàn Sơn, Giao Thủy, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng số 2:
Nguyễn Xuân An - Địa chỉ: Xóm 4, Hoàn Sơn, Giao Thủy, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Phạm Quang Tuyền - Địa chỉ: Xóm 1, Bình Hòa, Giao Thủy, Nam Định

Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

- Ngày lấy mẫu:** 05/6/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Trần Ngọc Hải
- Thời gian thử nghiệm:** 05/6/2025 đến 10/6/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống hộ KHSĐ số 1	Tại trên mạng đường ống hộ KHSĐ số 2	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 23 tháng 6 năm 2025

KIỂM NGHIỆM VIÊN



Trần Thị Thẩm

KT. GIÁM ĐỐC




PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.899.399	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 03

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Xuân Tân
- Địa chỉ:** Xuân Tân - Xuân Trường - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Bùi Minh Khuê - Địa chỉ: Xóm Liêu Thượng, Xuân Tân, Xuân Trường, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Vũ Đức Thuế - Địa chỉ: Xóm 9, Xuân Đài, Xuân Trường, Nam Định

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰C (xét nghiệm lý hóa).

- Ngày lấy mẫu:** 06/6/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thị Ân
- Thời gian thử nghiệm:** 06/6/2025 đến 23/6/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
I Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	Mùi vị*	-	Không có mùi, vị lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023 Ref: SMEWW 2160B:2023	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,34	0,79	0,81	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,52	0,50	0,40	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,89	7,93	7,99	Đạt
II Mức độ giám sát B								
6	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	0,327	0,369	0,409	Đạt
8	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E:2023	5,132	5,240	5,253	Đạt
9	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	0,833	0,833	0,833	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu (Mức độ giám sát B)	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
10	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	98,0	98,0	98,0	Đạt
11	Cl ⁻ *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	27,704	27,704	28,069	Đạt
12	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
13	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Amoni* (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/l	0,3	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor* (F)	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	< 0,2	< 0,2	< 0,2	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan* (TDS)	mg/l	1000	SMEWW 2540C:2023	117,0	119,0	120,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 23 tháng 6 năm 2025

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC


Nguyễn Thị Ân




**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.899.399	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 03

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Xuân Tân
- Địa chỉ:** Xuân Tân - Xuân Trường - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Bùi Minh Khuê - Địa chỉ: Xóm Liêu Thượng, Xuân Tân, Xuân Trường, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Vũ Đức Thuê - Địa chỉ: Xóm 9, Xuân Đài, Xuân Trường, Nam Định

Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

- Ngày lấy mẫu:** 06/6/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thị Ân
- Thời gian thử nghiệm:** 06/6/2025 đến 10/6/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 23 tháng 6 năm 2025

KIỂM NGHIỆM VIÊN

KT. GIÁM ĐỐC



Trần Thị Thắm




PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.899.399	Email: CTCPnuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 04



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Nghĩa An
- Địa chỉ:** Nghĩa An - Nam Trực - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Nguyễn Văn Bắc - Địa chỉ: Thôn Nam Quang 3, Hồng Quang, Nam Trực, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Nguyễn Duy Bảy - Địa chỉ: Xóm Phố, Hồng Quang, Nam Trực, Nam Định

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰C (xét nghiệm lý hóa).

- Ngày lấy mẫu:** 06/6/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thị Ân
- Thời gian thử nghiệm:** 06/6/2025 đến 23/6/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
I Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	< 5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt
2	Mùi vị*	-	không có mùi, vị lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023 Ref: SMEWW 2160B:2023	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,51	0,63	0,71	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,57	0,41	0,31	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,45	7,52	7,60	Đạt
II Mức độ giám sát B								
6	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	0,510	0,555	0,586	Đạt
8	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E:2023	5,452	5,657	5,753	Đạt
9	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	< 0,5	< 0,5	< 0,5	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
10	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	84,0	85,0	85,0	Đạt
11	Cl ⁻ *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	8,020	8,020	8,020	Đạt
12	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
13	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Amoni* (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/l	0,3	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor* (F)	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	< 0,2	< 0,2	< 0,2	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan* (TDS)	mg/l	1000	SMEWW 2540C:2023	76,0	78,0	80,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 23 tháng 6 năm 2025

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC


Nguyễn Thị Ân




**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.899.399	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 04



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Nghĩa An
- Địa chỉ:** Nghĩa An - Nam Trực - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:

Nguyễn Văn Bắc - Địa chỉ: Thôn Nam Quang 3, Hồng Quang, Nam Trực, Nam Định

- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:

Nguyễn Duy Bảy - Địa chỉ: Xóm Phố, Hồng Quang, Nam Trực, Nam Định

Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

- Ngày lấy mẫu:** 06/6/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thị Ân
- Thời gian thử nghiệm:** 06/6/2025 đến 10/6/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 23 tháng 6 năm 2025

KIỂM NGHIỆM VIÊN



Trần Thị Thắm



KT. GIÁM ĐỐC

**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.899.399	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 05



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Nam Dương
- Địa chỉ:** Nam Dương - Nam Trực - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Trần Thị Thai - Địa chỉ: Thôn Vọc, Nam Dương, Nam Trực, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Nguyễn Văn Huy - Địa chỉ: Thôn Xứ Trường, Bình Minh, Nam Trực, Nam Định

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰C (xét nghiệm lý hóa).

5. Ngày lấy mẫu: 06/6/2025

6. Người lấy/gửi mẫu: Nguyễn Thị Ân

7. Thời gian thử nghiệm: 06/6/2025 đến 23/6/2025

8. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
I Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	Mùi vị*	-	không có mùi, vị lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023 Ref: SMEWW 2160B:2023	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,20	0,21	0,28	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,60	0,36	0,28	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,31	7,36	7,37	Đạt
II Mức độ giám sát B								
6	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	0,719	0,767	0,829	Đạt
8	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E:2023	6,750	7,090	7,338	Đạt
9	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	< 0,5	< 0,5	< 0,5	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
10	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	88,0	88,0	89,0	Đạt
11	Cl ⁻ *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	8,020	8,020	8,020	Đạt
12	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
13	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Amoni* (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/l	0,3	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor* (F)	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	< 0,2	< 0,2	< 0,2	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan* (TDS)	mg/l	1000	SMEWW 2540C:2023	76,0	78,0	79,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 23 tháng 6 năm 2025

QUẢN LÝ KỸ THUẬT



Nguyễn Thị Ân

KT. GIÁM ĐỐC



**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.899.399	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 05

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Nam Dương
- Địa chỉ:** Nam Dương - Nam Trực - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Trần Thị Thai - Địa chỉ: Thôn Vọc, Nam Dương, Nam Trực, Nam Định
 - Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Nguyễn Văn Huy - Địa chỉ: Thôn Xứ Trường, Bình Minh, Nam Trực, Nam Định
- Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.
- Ngày lấy mẫu:** 06/6/2025
 - Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thị Ân
 - Thời gian thử nghiệm:** 06/6/2025 đến 10/6/2025
 - Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 23 tháng 6 năm 2025

KIỂM NGHIỆM VIÊN



Trần Thị Thắm

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.



KT. GIÁM ĐỐC

**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.899.399	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 06

1. **Tên khách hàng:** Nhà máy nước Nghĩa Hưng
2. **Địa chỉ:** Nghĩa Trung - Nghĩa Hưng - Nam Định
3. **Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. **Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Nguyễn Văn Thoại - Địa chỉ: Xóm 6, Nghĩa Trung, Nghĩa Hưng, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Phạm Văn Phương - Địa chỉ: Phố Đoài, TT Liễu Đề, Nghĩa Hưng, Nam Định

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰C (xét nghiệm lý hóa).

5. **Ngày lấy mẫu:** 05/6/2025
6. **Người lấy/gửi mẫu:** Trần Ngọc Hải
7. **Thời gian thử nghiệm:** 05/6/2025 đến 23/6/2025
8. **Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
I Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	Mùi vị*	-	không có mùi, vị lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023 Ref: SMEWW 2160B:2023	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,52	0,54	0,58	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,90	0,44	0,34	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,54	7,60	7,67	Đạt
II Mức độ giám sát B								
6	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	0,872	0,912	0,986	Đạt
8	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E:2023	6,258	6,285	6,552	Đạt
9	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	0,667	0,833	0,833	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
10	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	94,0	94,0	95,0	Đạt
11	Cl ⁻ *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	16,768	16,768	16,768	Đạt
12	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
13	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Amoni* (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/l	0,3	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor* (F)	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	< 0,2	< 0,2	< 0,2	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan* (TDS)	mg/l	1000	SMEWW 2540C:2023	86,0	87,0	89,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 23 tháng 6 năm 2025

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC


Nguyễn Thị Ân



**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.899.399	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 06

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Nghĩa Hưng
- Địa chỉ:** Nghĩa Trung - Nghĩa Hưng - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:

Nguyễn Văn Thoại - Địa chỉ: Xóm 6, Nghĩa Trung, Nghĩa Hưng, Nam Định

- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:

Phạm Văn Phương - Địa chỉ: Phố Đoài, TT Liễu Đề, Nghĩa Hưng, Nam Định

Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

- Ngày lấy mẫu:** 05/6/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Trần Ngọc Hải
- Thời gian thử nghiệm:** 05/6/2025 đến 10/6/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 23 tháng 6 năm 2025

KIỂM NGHIỆM VIÊN



Trần Thị Thắm

KT. GIÁM ĐỐC



**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.899.399	Email: CTCPnuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 07



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Quỹ Nhất
- Địa chỉ:** TT. Quỹ Nhất - Nghĩa Hưng - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Phạm Văn Tiệm - Địa chỉ: Xóm Phú Thọ, Nghĩa Lâm, Nghĩa Hưng, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Phạm Thị Thoa - Địa chỉ: Hòa Lạc Tây, Nghĩa Hùng, Nghĩa Hưng, Nam Định

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰ C (xét nghiệm lý hóa).

- Ngày lấy mẫu:** 06/6/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thị Ân
- Thời gian thử nghiệm:** 06/6/2025 đến 23/6/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
I Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	< 5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt
2	Mùi vị*	-	Không có mùi, vị lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023 Ref: SMEWW 2160B:2023	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,19	0,30	0,41	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,98	0,70	0,61	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,73	7,77	7,82	Đạt
II Mức độ giám sát B								
6	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	0,596	0,634	0,659	Đạt
8	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E:2023	6,075	6,132	6,257	Đạt
9	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	1,000	1,000	1,167	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
10	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	96,0	96,0	96,0	Đạt
11	Cl ⁻ *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	17,497	17,497	17,862	Đạt
12	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
13	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Amoni* (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/l	0,3	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor* (F)	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	< 0,2	< 0,2	< 0,2	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan* (TDS)	mg/l	1000	SMEWW 2540C:2023	87,0	88,0	90,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 23 tháng 6 năm 2025

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC


Nguyễn Thị Ân




**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.899.399	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 07

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Quỹ Nhất
- Địa chỉ:** TT. Quỹ Nhất - Nghĩa Hưng - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:

Phạm Văn Tiêm - Địa chỉ: Xóm Phú Thọ, Nghĩa Lâm, Nghĩa Hưng, Nam Định

- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:

Phạm Thị Thoa - Địa chỉ: Hòa Lạc Tây, Nghĩa Hùng, Nghĩa Hưng, Nam Định

Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

- Ngày lấy mẫu:** 06/6/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thị Ân
- Thời gian thử nghiệm:** 06/6/2025 đến 10/6/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 23 tháng 6 năm 2025

KIỂM NGHIỆM VIÊN



Trần Thị Thắm

KT. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

PHẠM THỊ HẰNG

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.899.399	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 08



1. **Tên khách hàng:** Nhà máy nước Yên Định
2. **Địa chỉ:** TT. Yên Định - Hải Hậu - Nam Định
3. **Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. **Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Phạm Ngọc Diệp - Địa chỉ: TDP Khu 1, TT Yên Định, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Bùi Kính Trọng - Địa chỉ: Xóm Tây Lễ, Hải Hưng, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định

Trong đó:

- + Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰C (xét nghiệm lý hóa).

5. **Ngày lấy mẫu:** 05/6/2025
6. **Người lấy/gửi mẫu:** Trần Ngọc Hải
7. **Thời gian thử nghiệm:** 05/6/2025 đến 23/6/2025
8. **Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
I Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	< 5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt
2	Mùi vị*	-	Không có mùi, vị lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023 Ref: SMEWW 2160B:2023	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,22	0,27	0,31	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,87	0,60	0,58	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,46	7,49	7,50	Đạt
6	Asen**	mg/l	0,01	US EPA Method 6020A	KPH	KPH	KPH	Đạt
II Mức độ giám sát B								
7	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
8	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	0,905	1,003	1,087	Đạt
9	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E:2023	8,340	8,768	8,915	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
10	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	0,500	0,500	0,500	Đạt
11	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	100,0	100,0	100,0	Đạt
12	Cl ⁻ *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	18,956	18,956	18,956	Đạt
13	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Amoni* (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/l	0,3	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
16	Fluor* (F)	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	0,232	0,234	0,235	Đạt
17	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
18	Tổng chất rắn hòa tan* (TDS)	mg/l	1000	SMEWW 2540C:2023	187,0	187,0	189,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 23 tháng 6 năm 2025

QUẢN LÝ KỸ THUẬT



Nguyễn Thị Ân

KT. GIÁM ĐỐC



**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu " * " là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Dấu " ** " là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 028, do nhà thầu phụ thực hiện; Giới hạn phát hiện của Asen: 0,003 mg/L
6. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
7. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.899.399	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 08



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Yên Định
- Địa chỉ:** TT. Yên Định - Hải Hậu - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:

Phạm Ngọc Diệp - Địa chỉ: TDP Khu 1, TT Yên Định, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định

- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:

Bùi Kính Trọng - Địa chỉ: Xóm Tây Lễ, Hải Hưng, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định

Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

- Ngày lấy mẫu:** 05/6/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Trần Ngọc Hải
- Thời gian thử nghiệm:** 05/6/2025 đến 10/6/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

KIỂM NGHIỆM VIÊN

Trần Thị Thắm

Trần Thị Thắm

Nam Định, ngày 23 tháng 6 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

PHẠM THỊ HẰNG

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.899.399	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 09



1. **Tên khách hàng:** Nhà máy nước Hải Toàn
2. **Địa chỉ:** Hải Toàn - Hải Hậu - Nam Định
3. **Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. **Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Trần Văn Can - Địa chỉ: Xóm 3, xã Hải An, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Trần Văn Sửu - Địa chỉ: Xóm 3, xã Hải An, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰C (xét nghiệm lý hóa).

5. **Ngày lấy mẫu:** 05/6/2025
6. **Người lấy/gửi mẫu:** Trần Ngọc Hải
7. **Thời gian thử nghiệm:** 05/6/2025 đến 23/6/2025
8. **Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
I Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	5,0	5,0	5,0	Đạt
2	Mùi vị*	-	không có mùi, vị lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023 Ref: SMEWW 2160B:2023	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,18	0,24	0,28	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,63	0,58	0,53	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,93	7,94	7,97	Đạt
6	Asen**	mg/l	0,01	US EPA Method 6020A	KPH	KPH	KPH	Đạt
II Mức độ giám sát B								
7	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
8	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	0,998	1,079	1,153	Đạt
9	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E:2023	< 5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
10	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	< 0,5	< 0,5	< 0,5	Đạt
11	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	117,0	117,0	117,0	Đạt
12	Cl ⁻ *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	27,704	27,704	27,704	Đạt
13	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Amoni* (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/l	0,3	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
16	Fluor* (F)	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	< 0,2	< 0,2	< 0,2	Đạt
17	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
18	Tổng chất rắn hòa tan* (TDS)	mg/l	1000	SMEWW 2540C:2023	192,0	195,0	196,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 23 tháng 6 năm 2025

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Ân



**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu " * " là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Dấu " ** " là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 028, do nhà thầu phụ thực hiện; Giới hạn phát hiện của Asen: 0,003 mg/L
6. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
7. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.899.399	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 09



VILAS 1228

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Hải Toàn
- Địa chỉ:** Hải Toàn - Hải Hậu - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:

Trần Văn Can - Địa chỉ: Xóm 3, xã Hải An, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định

- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:

Trần Văn Sửu - Địa chỉ: Xóm 3, xã Hải An, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định

Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C

- Ngày lấy mẫu:** 05/6/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Trần Ngọc Hải
- Thời gian thử nghiệm:** 05/6/2025 đến 10/6/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 23 tháng 6 năm 2025

KIỂM NGHIỆM VIÊN



Trần Thị Thắm



KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

PHẠM THỊ HẰNG

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.899.399	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 10

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Liên Bảo
- Địa chỉ:** Liên Bảo - Vụ Bản - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Vũ Quang Vinh - Địa chỉ: Xóm Miếu, thôn An Hưng, xã Đại An, Vụ Bản, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Nguyễn Văn Ngà - Địa chỉ: Xóm 8, thôn Trình Xuyên Thượng, xã Thành Lợi, Vụ Bản, Nam Định

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰ C (xét nghiệm lý hóa).

- Ngày lấy mẫu:** 05/6/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thúy Nga
- Thời gian thử nghiệm:** 05/6/2025 đến 23/6/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
I Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	< 5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt
2	Mùi vị*	-	Không có mùi, vị lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023 Ref: SMEWW 2160B:2023	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,11	0,15	0,18	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,50	0,46	0,43	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,23	7,25	7,27	Đạt
II Mức độ giám sát B								
6	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	0,597	0,645	0,699	Đạt
8	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E:2023	8,403	8,515	8,692	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
9	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	< 0,5	< 0,5	< 0,5	Đạt
10	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	98,0	98,0	99,0	Đạt
11	Cl ⁻ *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	8,020	8,020	8,020	Đạt
12	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
13	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Amoni* (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/l	0,3	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor* (F)	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	< 0,2	< 0,2	< 0,2	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan* (TDS)	mg/l	1000	SMEWW 2540C:2023	81,0	83,0	84,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 23 tháng 6 năm 2025

QUẢN LÝ KỸ THUẬT


Nguyễn Thị Ân

KT. GIÁM ĐỐC




**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.899.399	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 10



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Liên Bảo
- Địa chỉ:** Liên bảo - Vụ Bản - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:

Vũ Quang Vinh - Địa chỉ: Xóm Miếu, thôn An Hưng, xã Đại An, Vụ Bản, Nam Định

- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:

Nguyễn Văn Ngà - Địa chỉ: Xóm 8, thôn Trình Xuyên Thượng, xã Thành Lợi, Vụ Bản, Nam Định

Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

- Ngày lấy mẫu:** 05/6/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thúy Nga
- Thời gian thử nghiệm:** 05/6/2025 đến 10/6/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 23 tháng 6 năm 2025

KIỂM NGHIỆM VIÊN

(Signature)

Trần Thị Thắm

KT. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
9	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	0,500	0,500	0,500	Đạt
10	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	96,0	96,0	96,0	Đạt
11	Cl ⁻ *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	8,020	8,020	8,020	Đạt
12	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
13	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Amoni* (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/l	0,3	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor* (F)	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	< 0,2	< 0,2	< 0,2	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan* (TDS)	mg/l	1000	SMEWW 2540C:2023	78,0	79,0	82,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 23 tháng 6 năm 2025

QUẢN LÝ KỸ THUẬT



Nguyễn Thị Ân

KT. GIÁM ĐỐC



**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.899.399	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 11



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Mỹ Lộc
- Địa chỉ:** Mỹ Hà - Mỹ Lộc - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:

Trần Đình Tuấn - Địa chỉ: Xã Mỹ Lộc, Tp.Nam Định, tỉnh Nam Định

- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:

Đặng Văn Huy - Địa chỉ: Phường Hưng Lộc, Tp.Nam Định, tỉnh Nam Định

Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

- Ngày lấy mẫu:** 05/6/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thúy Nga
- Thời gian thử nghiệm:** 05/6/2025 đến 10/6/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 23 tháng 6 năm 2025

KIỂM NGHIỆM VIÊN

KT. GIÁM ĐỐC



Trần Thị Thắm



PHÓ GIÁM ĐỐC

PHẠM THỊ HẰNG

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.899.399	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 12

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Yên Lộc
- Địa chỉ:** Yên Lộc - Ý Yên - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Nguyễn Văn Thạch - Địa chỉ: Xóm 1, Yên Đồng, Ý Yên, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Nguyễn Tuấn Vững - Địa chỉ: Thôn Thân Thượng, Yên Thắng, Ý Yên, Nam Định

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰ C (xét nghiệm lý hóa).

- Ngày lấy mẫu:** 05/6/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thúy Nga
- Thời gian thử nghiệm:** 05/6/2025 đến 23/6/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
I Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	Mùi vị*	-	không có mùi, vị lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023 Ref: SMEWW 2160B:2023	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,22	0,33	0,37	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,72	0,46	0,24	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,55	7,56	7,59	Đạt
II Mức độ giám sát B								
6	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	0,618	0,647	0,700	Đạt
8	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E:2023	8,572	8,960	9,357	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
9	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	0,667	0,667	0,667	Đạt
10	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	94,0	94,0	94,0	Đạt
11	Cl ⁻ *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	8,020	8,384	8,384	Đạt
12	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
13	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Amoni* (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/l	0,3	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor* (F)	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	< 0,2	< 0,2	< 0,2	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan* (TDS)	mg/l	1000	SMEWW 2540C:2023	79,0	81,0	83,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/ BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 23 tháng 6 năm 2025

QUẢN LÝ KỸ THUẬT


Nguyễn Thị Ân

KT. GIÁM ĐỐC




**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.899.399	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 12

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Yên Lộc
- Địa chỉ:** Yên Lộc - Ý Yên - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:

Nguyễn Văn Thạch - Địa chỉ: Xóm 1, Yên Đồng, Ý Yên, Nam Định

- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:

Nguyễn Tuấn Vững - Địa chỉ: Thôn Thân Thượng, Yên Thắng, Ý Yên, Nam Định

Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

5. Ngày lấy mẫu: 05/6/2025

6. Người lấy/gửi mẫu: Nguyễn Thúy Nga

7. Thời gian thử nghiệm: 05/6/2025 đến 10/6/2025

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

KIỂM NGHIỆM VIÊN



Trần Thị Thắm

Nam Định, ngày 23 tháng 6 năm 2025
KT. GIÁM ĐỐC



**PHÓ GIÁM ĐỐC
 PHẠM THỊ HẰNG**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.899.399	Email: CTCPnuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 13

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Yên Quang
- Địa chỉ:** Yên Quang - Ý Yên - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Vũ Văn Mùi - Địa chỉ: Thôn Hưng Thịnh, Hồng Quang, Ý Yên, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Nguyễn Văn Định - Địa chỉ: Thôn Cao Bồ, Hồng Quang, Ý Yên, Nam Định

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰ C (xét nghiệm lý hóa).

- Ngày lấy mẫu:** 05/6/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thúy Nga
- Thời gian thử nghiệm:** 05/6/2025 đến 23/6/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
I Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	10,0	10,0	10,0	Đạt
2	Mùi vị*	-	không có mùi, vị lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023 Ref: SMEWW 2160B:2023	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,50	0,51	0,54	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,39	0,25	0,23	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,61	7,64	7,66	Đạt
II Mức độ giám sát B								
6	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	1,111	1,155	1,226	Đạt
8	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E:2023	22,857	23,292	24,453	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
9	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	1,167	1,167	1,167	Đạt
10	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	100,0	100,0	101,0	Đạt
11	Cl ⁻ *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	34,995	34,995	34,995	Đạt
12	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
13	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
14	Amoni* (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/l	0,3	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor* (F)	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	< 0,2	< 0,2	< 0,2	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan* (TDS)	mg/l	1000	SMEWW 2540C:2023	154,0	157,0	157,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 23 tháng 6 năm 2025

QUẢN LÝ KỸ THUẬT



Nguyễn Thị Ân

KT. GIÁM ĐỐC



**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.899.399	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 13



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Yên Quang
- Địa chỉ:** Yên Quang - Ý Yên - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:

Vũ Văn Mùi - Địa chỉ: Thôn Hưng Thịnh, Hồng Quang, Ý Yên, Nam Định

- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:

Nguyễn Văn Định - Địa chỉ: Thôn Cao Bồ, Hồng Quang, Ý Yên, Nam Định

Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

- Ngày lấy mẫu:** 05/6/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thúy Nga
- Thời gian thử nghiệm:** 05/6/2025 đến 10/6/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 23 tháng 6 năm 2025

KIỂM NGHIỆM VIÊN



Trần Thị Thắm

KT. GIÁM ĐỐC



**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.899.399	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 14

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Đại Thắng
- Địa chỉ:** Đại Thắng - Vụ Bản - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Vũ Xuân Trinh - Địa chỉ: Thôn Đồng Tiến, Đại Thắng, Vụ Bản, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Vũ Đình Nhiên - Địa chỉ: Thôn Điện Biên, Đại Thắng, Vụ Bản, Nam Định

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰C (xét nghiệm lý hóa).

- Ngày lấy mẫu:** 05/6/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thúy Nga
- Thời gian thử nghiệm:** 05/6/2025 đến 23/6/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
I Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	Mùi vị*	-	không có mùi, vị lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023 Ref: SMEWW 2160B:2023	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,23	0,27	0,31	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,59	0,51	0,41	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,62	7,64	7,67	Đạt
II Mức độ giám sát B								
6	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	0,638	0,670	0,693	Đạt
8	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E:2023	7,355	7,560	8,123	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
9	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	< 0,5	< 0,5	< 0,5	Đạt
10	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	88,0	88,0	88,0	Đạt
11	Cl ⁻ *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	8,020	8,020	8,384	Đạt
12	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
13	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Amoni* (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/l	0,3	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor* (F)	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	< 0,2	< 0,2	< 0,2	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan* (TDS)	mg/l	1000	SMEWW 2540C:2023	77,0	79,0	81,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 23 tháng 6 năm 2025

QUẢN LÝ KỸ THUẬT


Nguyễn Thị Ân

KT. GIÁM ĐỐC




**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.899.399	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 14



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Đại Thắng
- Địa chỉ:** Đại Thắng - Vụ Bản - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:

Vũ Xuân Trinh - Địa chỉ: Thôn Đồng Tiến, Đại Thắng, Vụ Bản, Nam Định

- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:

Vũ Đình Nhiên - Địa chỉ: Thôn Điện Biên, Đại Thắng, Vụ Bản, Nam Định

Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

- Ngày lấy mẫu:** 05/6/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thúy Nga
- Thời gian thử nghiệm:** 05/6/2025 đến 10/6/2025
- Kết quả thử nghiệm**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

KIỂM NGHIỆM VIÊN



Trần Thị Thắm

Nam Định, ngày 23 tháng 6 năm 2025



K.T. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.